

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL24BTS**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02147**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Lý luận nhà nước và pháp luật**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453801010001	Bùi Hoàng Ân	08/08/1996				5	5.0				9.6		7.8
2	2453801010002	Dương Thị Kim Chi	01/01/1990				8	9.0				10.0		9.5
3	2453801010003	Lâm Văn Út	10/08/1988				7	9.0				9.2		8.9
4	2453801010004	Nguyễn Thị Mỹ Dung	24/03/1992				7	7.0				9.0		8.2
5	2453801010005	Đặng Nguyễn Xuân	09/03/2006				0	0.0				0.0	0.0	0.0
6	2453801010006	Trần Cường	03/10/1993				8	9.0				10.0		9.5
7	2453801010007	Nguyễn Thị Huỳnh	20/05/1991				7	8.5				10.0		9.2
8	2453801010008	Lê Huỳnh Hào	28/06/1983				7	8.5				10.0		9.2
9	2453801010009	Lê Hùng	13/08/1995				7	7.0				10.0		8.8
10	2453801010010	Trần Vĩ	06/11/2004				7	9.0				10.0		9.3
11	2453801010011	Huỳnh Nguyễn Minh	31/08/2008				7	7.0				10.0		8.8
12	2453801010012	Nguyễn Tuấn Kiệt	07/04/1998				7	9.0				9.5		9.0
13	2453801010013	Phan Hoàng Phú	22/12/2001				7	9.0				10.0		9.3
14	2453801010014	Nguyễn Thị Thuỳ	19/08/2003				7	8.5				9.8		9.1
15	2453801010015	Trần Thị Mỹ Linh	21/06/2007				0	0.0				0.0	0.0	0.0
16	2453801010016	Võ Quang	05/02/1987				7	7.0				9.8		8.7
17	2453801010017	Đỗ Thành Lợi	10/10/2004				7	9.0				10.0		9.3
18	2453801010018	Nguyễn Sĩ Học	20/10/1987				7	9.0				10.0		9.3
19	2453801010019	Lâm Thị Trúc Ly	01/01/1989				8	9.0				10.0		9.5
20	2453801010020	Huỳnh Thị Thu	28/06/1992				8	8.5				10.0		9.3
21	2453801010021	Hứa Hoàng Nam	04/11/1982				7	9.0				9.0		8.7
22	2453801010022	Nguyễn Thị Thiên Nga	06/02/1987				7	9.0				9.4		9.0
23	2453801010023	Châu Thị Lan Ngọc	15/10/2001				8	8.5				9.6		9.1
24	2453801010024	Nguyễn Thị Quỳnh Như	20/04/2006				8	9.0				10.0		9.5
25	2453801010025	Lư Hoàng	19/03/1999				5	5.0				0.0		2.0
26	2453801010026	Chau Thi	03/03/1998				7	7.0				9.0		8.2
27	2453801010027	Nguyễn Tấn Thủ	01/01/1982				7	8.5				9.8		9.1
28	2453801010028	Ngô Lê Thái Thuận	08/05/2004				7	8.5				9.0		8.6
29	2453801010029	Khuru Thị Thanh Thuý	11/11/1999				9	9.0				10.0		9.6
30	2453801010030	Nguyễn Ngọc Trí	01/04/1995				8	9.0				10.0		9.5
31	2453801010031	Nguyễn Thanh Tùng	10/07/1987				7	7.0				9.4		8.4
32	2453801010032	Hà Thị Kim Tuyền	20/02/1998				8	8.5				0.0		3.3
33	2453801010033	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	10/01/1979				9	7.0				9.6		8.8
34	2453801010034	Dương Quốc Vũ	06/09/1994				5	5.0				10.0		8.0
35	2453801010035	Khuru Thuý Vy	05/02/2005				8	9.0				9.6		9.2

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 24 tháng 10 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Võ Hoàng Nhu